

Chi tiết mã HS 4819.20.00

Mã HS	4819.20.00
Mô tả hàng hóa	Thùng, hộp, vỏ chứa, túi xách và các loại bao bì đựng khác, bằng giấy, bìa, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo; hộp đựng hồ sơ (files), khay thư, và các vật phẩm tương tự, bằng giấy hoặc bìa dùng cho văn phòng, cửa hàng hoặc những nơi tương tự / - Thùng, hộp và vỏ chứa gấp lại được, bằng giấy hoặc bìa không sóng
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	30/10/2026 14:01:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/48192000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7674
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7674
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7674
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, CN)	0% (trừ KH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7401
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7354
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7354
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7354
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7354
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7354
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7354
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E7404
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7404
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7404
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7404

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7404
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7404
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7405
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7405
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7405
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7405
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7405
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7405
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F7406
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7360
AIFTA	30/12/2022	2022	16	AI!F7368
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	15.5	AI!G7368
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	15	AI!H7368
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I7368
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J7368
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K7368
VKFTA	2022	2022	5	VK!E7390
VKFTA	2023	2023	5	VK!F7390
VKFTA	2024	2024	5	VK!G7390
VKFTA	2025	2025	5	VK!H7390
VKFTA	2026	2026	5	VK!I7390
VKFTA	2027	2027	5	VK!J7390
VCFTA	2022	2022	16	VC!D7436
VCFTA	2023	2023	16	VC!E7436
VCFTA	2024	2024	5	VC!F7436
VCFTA	2025	2025	5	VC!G7436

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	5	VC!H7436
VCFTA	2027	2027	5	VC!I7436
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7416
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7416
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7416
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7416
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7416
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7416
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7429
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7429
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7429
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7429
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7429
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7429
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D7433
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E7433
EVFTA	2024	2024	2,5	EV-NK!F7433
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7433
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7433
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7433
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D7434
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E7434
UKVFTA	2024	2024	2,5	UKV!F7434
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7434
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7434
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7434

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7384
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7384
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7384
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7384
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7384
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7384
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7384
RCEP A	2022	2022	15	RCEPT-A!D7421
RCEP A	2023	2023	15	RCEPT-A!E7421
RCEP A	2024	2024	15	RCEPT-A!F7421
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G7421
RCEP A	2026	2026	15	RCEPT-A!H7421
RCEP A	2027	2027	15	RCEPT-A!I7421
RCEP B	2022	2022	15	B!D7421
RCEP B	2023	2023	15	B!E7421
RCEP B	2024	2024	15	B!F7421
RCEP B	2025	2025	15	B!G7421
RCEP B	2026	2026	15	B!H7421
RCEP B	2027	2027	15	B!I7421
RCEP C	2022	2022	*	C!D7421
RCEP C	2023	2023	*	C!E7421
RCEP C	2024	2024	*	C!F7421
RCEP C	2025	2025	*	C!G7421
RCEP C	2026	2026	*	C!H7421
RCEP C	2027	2027	*	C!I7421
RCEP D	2022	2022	15	D!D7421

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	15	D!E7421
RCEP D	2024	2024	15	D!F7421
RCEP D	2025	2025	15	D!G7421
RCEP D	2026	2026	15	D!H7421
RCEP D	2027	2027	15	D!I7421
RCEP E	2022	2022	15	E!D7424
RCEP E	2023	2023	15	E!E7424
RCEP E	2024	2024	15	E!F7424
RCEP E	2025	2025	15	E!G7424
RCEP E	2026	2026	15	E!H7424
RCEP E	2027	2027	15	E!I7424
RCEP F	2022	2022	15	F!D7421
RCEP F	2023	2023	15	F!E7421
RCEP F	2024	2024	15	F!F7421
RCEP F	2025	2025	15	F!G7421
RCEP F	2026	2026	15	F!H7421
RCEP F	2027	2027	15	F!I7421
VIFTA	2024	2024	12	VI!F6865
VIFTA	2025	2025	9	VI!G6865
VIFTA	2026	2026	6	VI!H6865
VIFTA	2027	2027	3	VI!I6865

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AFTA 15%, RCEP (Phụ lục A) 15%, RCEP (Phụ lục B) 15%, RCEP (Phụ lục D) 15%, RCEP (Phụ lục E) 15%, RCEP (Phụ lục F) 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4819.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 4819.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7674), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.